

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2024/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 2 Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Thực hiện Thông báo số 296/TB-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của đồng chí Võ Văn Minh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 69 - khóa X;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3224/TTr-SNN ngày 24 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Mai Hùng Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**
(Kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Thủy lợi tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương; chịu sự chỉ đạo, quản lý tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Thủy lợi; Cục Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chi cục thực hiện chức năng giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập và hồ chứa nước, đê điều, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; các dịch vụ công thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật về chuyên ngành, lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành, các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

3. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng, chống khắc phục hậu quả do thiên tai, nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; thực hiện điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai, nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Về thủy lợi

a) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền: quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi; phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, công trình thủy lợi khác thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng;

b) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền thông qua các mức giá và phê duyệt giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; tham mưu tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi, các nội dung liên quan đến thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Rà soát hồ sơ cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định theo quy định; triển khai thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật và phân công của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

e) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn; phối hợp quản lý việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

g) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

h) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng trên địa bàn tỉnh; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

i) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Về đề điều và phòng, chống thiên tai

a) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đề điều, lực lượng quản lý đề nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đề nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đề; cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều; sử dụng bãi sông, bãi nổi, cù lao liên quan đến thoát lũ và đề điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đề điều;

b) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đề điều, xác định trọng điểm xung yếu đề điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đề, công tác hộ đề, bảo đảm an toàn đề điều;

c) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Về nước sạch nông thôn

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư, khai thác các công trình nước sạch nông thôn; dịch vụ cung cấp nước sạch cho các hộ dân và nước sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân thuộc khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân cấp.

8. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư công trình xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình nước sạch nông thôn; duy tu, sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai được giao quản lý.

9. Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến các quy định pháp luật về chế độ, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực được phân công.

10. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Chi cục theo mục tiêu và nội dung, chương trình, kế hoạch, đề án cải cách hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và các thủ tục khác theo sự phân công của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

12. Tổ chức thực hiện công tác thống kê và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn theo quy định.

13. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn theo quy định.

14. Tổ chức, phối hợp thực hiện tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng công nghệ bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu trong lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn theo phân công, phân cấp quản lý.

15. Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới về lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông thôn theo phân công, phân cấp quản lý.

16. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn và an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; quản lý người lao động làm việc tại đơn vị trực thuộc Chi cục. Thực hiện chế độ tiền lương; chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động theo phân cấp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

18. Thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo thẩm quyền.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Chi cục tổ chức thực hiện.

21. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục; xây dựng Đề án thành lập, giải thể và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công hoặc ủy quyền thực hiện.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục

Chi cục có Chi cục trưởng và không quá 01 Phó Chi cục trưởng.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục.

b) Phó Chi cục trưởng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chi cục trưởng, giúp Chi cục trưởng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy nhiệm thay Chi cục trưởng điều hành các hoạt động của Chi cục.

2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục

- Phòng Hành chính tổng hợp;
- Phòng Nghiệp vụ.

Phòng có Trưởng phòng và số lượng Phó trưởng phòng thực hiện theo quy định hiện hành. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với các chức danh này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục:

Trung tâm Đầu tư, khai thác thủy lợi và nước sạch và nông thôn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục. Trung tâm có Giám đốc và số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật. Các chức vụ này do Chi cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế công chức của Chi cục được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế hành chính của tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chỉ tiêu.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức đã được phê duyệt, hàng năm Chi cục xây dựng kế hoạch biên chế công chức báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình xem xét, quyết định.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chi cục hoạt động theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại văn bản này

2. Chi cục làm việc theo chế độ thủ trưởng. Chi cục trưởng quyết định mọi vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Chi cục, đồng thời chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên chuyên ngành về các vấn đề thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Ban Lãnh đạo Chi cục điều hành hoạt động của cơ quan thông qua Trưởng các phòng và Giám đốc Trung tâm. Khi cần thiết thì Chi cục trưởng hoặc Phó Chi cục trưởng làm việc và phân công trực tiếp cho công chức, viên chức và người lao động.

3. Trưởng các Phòng, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Mối quan hệ công tác

1. Đối với các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chi cục chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật nghiệp vụ và các mặt công tác của Cục Thủy lợi, Cục Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên

taị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục trưởng có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ của Chi cục theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

2. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chi cục chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục trưởng có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các lĩnh vực công tác do Chi cục phụ trách, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định và xin ý kiến những vấn đề vượt quá thẩm quyền; trước khi tổ chức thực hiện các chủ trương, công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành Trung ương có liên quan đến chương trình, kế hoạch của tỉnh, Chi cục phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Đối với các Phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chi cục có mối quan hệ hợp tác, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn khác thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Đối với UBND huyện, thành phố

Là mối quan hệ phối hợp giữa ngành và cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thủy lợi, đề điều, công tác phòng, chống thiên tai, nước sạch nông thôn trên địa bàn huyện, thành phố.

5. Đối với Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện

Chi cục có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện để cùng giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về thủy lợi; đề điều; công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; nước sạch nông thôn.

Chương IV TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 7. Căn cứ Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan, Chi cục trưởng có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Chi cục; sắp xếp tổ chức bộ máy của Chi cục đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy định này do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.